

Bản án số: 09/2018/HSST
Ngày: 10/5/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ TỈNH BẮC GIANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến.

Ông Lục Viết Sang.

Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa:

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Yên Thế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang: Ông Vi
Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10-5-2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế mở phiên tòa xét xử
sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2018/HSST ngày 27-03-2018, theo
Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2018/HSST-QĐ ngày 26-4-2018, đối với bị cáo:
Nông Văn D, sinh năm 1995; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Tm, xã ĐH, huyện
Yên Thế, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không;
Văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ: Không; Bố đẻ: Nông Văn Ánh,
sinh năm 1964; Mẹ đẻ: Trịnh Thị Điệp, sinh năm 1968; Vợ: Trương Thị Thanh,
sinh năm 1996; Con: Có 01 con, sinh năm 2016; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là
con thứ nhất;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/01/2018, tạm giam từ ngày 21/01/2018, hiện
đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại:**

Anh Vũ Anh T, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Phố TQ, thị trấn NN, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Đoàn Văn V, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn ĐĐ 8, xã TT, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Trần Văn T, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Phố GL, thị trấn BH, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Vũ Văn G, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn ĐQ, xã BH, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Phan Văn Khoa, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: Phố GL, thị trấn BH, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

5. Anh Bùi Văn Chín, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn ĐQ, xã BH, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

6. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Phố TQ, thị trấn NN, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

* Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn TT, xã ĐH, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Bùi Thị D, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐL, xã BH, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐL, xã BH, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

NỘI D VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nông Văn D bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 12/12/2017, anh Vũ Anh T, ở phố TQ, thị trấn NN, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98N8 - 1512 kèm anh Đoàn Văn V, ở thôn ĐĐ 8, xã TT, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang sang nhà nghỉ Phú Gia ở thôn ĐL, xã BH, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang chơi. Tại phòng 303 của nhà nghỉ Phú Gia, anh Thắng gặp Nông Văn D, ở thôn Trại Mới và Nguyễn Văn Tr, ở thôn TT, cùng ở xã ĐH, huyện Yên Thế. Do D biết V từ trước nên Thắng, V, Tr và D cùng nhau ở lại phòng. Khoảng 07 giờ ngày 13/12/2017, D mượn xe mô tô của Thắng đi mua đồ ăn sáng cho mọi người. Khi về đến quây lễ tân của nhà nghỉ thì bà Bùi Thị D là chủ nhà nghỉ Phú Gia có bảo D trả tiền thuê phòng nghỉ thì D nói “Tí nữa xuống cháu trả”, sau đó D đem đồ ăn lên phòng cho mọi người cùng ăn. Khoảng 08 giờ cùng ngày, do không có tiền để trả tiền thuê phòng và tiền vay của Tr trước đó nên D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Thắng. D hỏi Thắng cho mượn xe, Thắng hỏi đi đâu thì D nói dối Thắng là “đi lấy cái điện thoại”. Anh T tưởng thật nên đã đồng ý cho D mượn xe mô tô. Sau khi mượn được xe mô tô của anh Thắng, D đi đến quán Karaoke Hoàng Thái Bảo của anh Hoàng Văn H, ở thôn ĐL, xã BH mục đích để hỏi vay tiền anh

Hòa nhưng quán đóng cửa nên D đi đến quán game nhà Hùng Hằng ở phố GL, thị trấn BH. Tại đây, D gặp Trần Văn T, sinh năm 1993 ở phố GL, thị trấn BH và nhờ Thắng tìm chỗ cầm cố xe mô tô giúp Thắng đồng ý. D chở Thắng đến nhà anh Vũ Văn G ở thôn ĐQ, xã BH, huyện Yên Thế để cầm cố xe mô tô. Khi gặp anh G, Thắng nói với anh G “Ông cầm cho thằng em cháu cái xe này lấy năm triệu đồng” nhưng anh G chỉ nhận cầm cố 4.000.000 đồng thì D đồng ý. Anh G hỏi D “Xe của ai, xe có giấy tờ gì không?”, D nói dối là “Xe của cháu, giấy tờ cháu để ở nhà”. Thấy D nói vậy, anh G nói với Thắng: “Tao không quen biết nó, giờ mày đứng ra cầm cho nó” thì Thắng đồng ý. Anh G lấy mẫu giấy vay tiền đưa cho D viết nhưng D không có giấy chứng minh thư nhân dân nên anh G bảo Thắng viết giấy vay tiền và ký tên dưới mục “Người vay vốn” còn D ký tên vào mục “Người làm chứng”. Sau khi viết giấy, anh G đưa cho D số tiền 3.500.000 đồng (cắt trước tiền lãi 500.000 đồng). Sau đó D và Thắng đi taxi của anh Bùi Văn Chín, ở phố GL, thị trấn BH về quán game nhà Hùng Hằng thì Thắng xuống xe. Trước khi xuống xe, D đưa cho Thắng 100.000 đồng rồi tiếp tục đi xe taxi về nhà nghỉ Phú Gia. Trên đường đi, D mua của anh Chín 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J2 với số tiền 600.000 đồng. Về đến nhà nghỉ Phú Gia, D trả tiền taxi hết 150.000 đồng rồi D lên phòng 303 gặp Tr và trả Tr số tiền 500.000 đồng. Sau đó D và V đến cửa hàng nhà anh Phan Văn Khoa, sinh năm 1961 ở phố GL, thị trấn BH, huyện Yên Thế mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung với số tiền là 800.000 đồng. D đưa cho V chiếc điện thoại đã mua của anh Chín cho V sử dụng và số tiền khoảng 700.000 đồng đến 800.000 đồng. D bảo V “Anh trả tiền nhà nghỉ hộ em rồi sang nhà nghỉ Hương Quê ở, ở đây em không thích”. D nói với V và anh Vũ Anh T là “Anh và Thắng cứ đi taxi sang trước em đi có việc một tý”. Mục đích D nói như vậy để anh Vũ Anh T nghĩ D vẫn đang giữ xe mô tô của anh Vũ Anh T. Sau đó D đi xe taxi sang khu vực huyện Lạng Giang chơi đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì về nhà nghỉ Hương Quê ở thôn Trại Chuối 1, xã Đồng Kỳ, huyện Yên Thế gặp V và anh Vũ Anh T. Tại đây, D lại nói dối V và anh Vũ Anh T là “Cứ ở đây em về qua nhà một tý em quay ra” mục đích để anh Vũ Anh T tin là D vẫn đang giữ xe của anh Vũ Anh T. Sau đó D bỏ đi và không quay lại nhà nghỉ Hương Quê nữa. Anh Vũ Anh T đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin và gặp D để đòi lại chiếc xe mô tô nhưng D không trả nên anh Vũ Anh T đã có đơn trình báo sự việc nêu trên tới Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thế.

Ngày 15/01/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thế đã ra Lệnh giữ người trong trường khẩn cấp đối với Nông Văn D; Tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 vỏ màu xanh - đen, số IMEL 351672/05/47530813, 01 thẻ sim một mặt có số 033, số tiền 1.400.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thế tạm giữ xe mô tô biển kiểm soát 98N8 - 1512 số máy 0081894, số khung 044060 do anh Vũ Văn G giao nộp và 01 giấy vay tiền không đề ngày, tháng, năm, có chữ ký của Trần Văn T và Nông Văn D.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thế đã yêu cầu định giá tài sản. Tại Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐDGTS ngày 17/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Thế kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu đen - xám, biển kiểm soát 98N8 - 1512, số máy 0081894, số khung 044060 được định giá là 6.500.000 đồng.

Trong vụ án, Trần Văn T là người đứng ra cầm cố chiếc xe mô tô hộ Nông Văn D; Vũ Văn G là người nhận cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 98N8 - 1512 nhưng Trần Văn T và Vũ Văn G đều không biết chiếc xe đó là do Nông Văn D chiếm đoạt được của người khác nên không có căn cứ để xử lý. Đối với hành vi Vũ Văn G nhận cầm cố xe mô tô khi không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc của chiếc xe mô tô, ngày 11/3/2018, Công an huyện Yên Thế đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Bút lục số 313). Đoàn Văn V không biết Nông Văn D đã chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Vũ Anh T nên không có căn cứ để xử lý.

Quá trình điều tra đã chứng minh được: Xe mô tô 98N8 - 1512 là của chị Phạm Thị H (mẹ Vũ Anh T). Ngày 01/02/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thế đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Thắng. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 số IMEL 351672/05/47530813, 01 thẻ sim một mặt có số 033, số tiền 1.400.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước V Nam là của Nông Văn D, không liên quan đến hành vi phạm tội, Nông Văn D có đề nghị được trả lại.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J2 mà D cho V sử dụng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung do D mua từ tiền cầm xe mô tô, D và V đã đánh rơi mất.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ Anh T đã nhận lại xe mô tô, không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh Vũ Văn G đề nghị Nông Văn D phải bồi thường 3.500.000 đồng, Nông Văn D chưa bồi thường.

Cáo trạng số 08/CT-VKS-YT ngày 26/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế truy tố bị cáo Nông Văn D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay, sau phần xét hỏi tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế thực hành quyền công tố đã luận tội đối với bị cáo, phân tích, đánh giá tính chất nguy hiểm của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng

đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nông Văn D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1, Điều 139; Điểm p, khoản 1, Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Nông Văn D từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ 15/01/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo D.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Buộc Nông Văn D có trách nhiệm bồi thường cho anh Vũ Văn G số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Về lãi suất chậm trả tại giai đoạn thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự trả bị cáo Nông Văn D 01 điện thoại di động NOKIA 1280 vỏ màu xanh-đen, số IMEI 351672/05/475308/3; 01 thẻ sim điện thoại một mặt có số 033 đều được niêm phong trong một bì thư có chữ ký của các thành phần tham gia và dấu của Công an thị trấn Cầu Gồ, Yên Thế, Bắc Giang; 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng nhà nước V Nam nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn tiền án phí hình sự và dân sự cho bị cáo D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[Về Tố tụng]:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Yên Thế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan... không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[Về tội danh]:

Lời khai của bị cáo trước cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều thừa nhận buổi trưa ngày 12/12/2017 Nông Văn D cùng Nguyễn Văn Tr có đến nhà nghỉ Phú Gia ở thôn ĐL, BH chơi và nghỉ ở tại đó. Khi D và Tr đang nghỉ thì có thêm Đoàn Văn V ở Tân Trung, Tân Yên, Vũ Anh T ở TQ, thị trấn NN, Tân Yên cũng đến chơi nghỉ cùng, cả 4 thuê phòng nghỉ 303 nghỉ đến 08 giờ sáng ngày 13/3/2017. Sau khi D đi mua đồ ăn sáng về thì bị bà Bùi Thị D là chủ nhà nghỉ yêu cầu D thanh toán tiền phòng do không có tiền lên D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của Vũ Anh T đem đi cầm cố lấy tiền thanh toán nhà nghỉ và chi tiêu. D đã nói dối anh Thắng là cho D mượn xe mô tô biển kiểm soát 98N8 - 1512 để đi lấy điện thoại. Anh Thắng tưởng thật nên đồng ý cho D mượn. Sau khi mượn được xe D đã nhờ Trần Văn T đem đến cầm cố cho anh Vũ Văn G thôn ĐQ, xã BH, huyện Yên Thế được số tiền 3.500.000 đồng, D chi tiêu cá nhân hết. Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98N8 - 1512 được hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự Yên Thế kết luận giá trị xe là 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai người làm chứng, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, biên bản định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Điều đó có đủ cơ sở chắc chắn khẳng định: Cáo trạng số 08/CT-VKS-YT ngày 26/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế truy tố bị cáo Nông Văn D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi một cách liều lĩnh táo bạo, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy cần phải có một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra có như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân xấu năm 2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử 02 năm tù về tội cố ý gây thương tích, nay tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý do đó cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ Văn G yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.500.000 đồng bị cáo chưa bồi thường. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho anh G 3.500.000đ và đồng ý lấy số tiền 1.400.000 đồng của bị cáo đang bị tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế để trả cho anh G.

Đối với số tiền bị cáo đưa cho anh V và anh Trần Văn T bị cáo không yêu cầu V và Thắng trả lại nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về án phí: Bị cáo là hộ nghèo, người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn miễn toàn bộ tiền án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nông Văn D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Về điều luật:

Áp dụng: Khoản 1, Điều 139; Điểm p, khoản 1, Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

2. Về hình phạt:

Xử phạt: Nông Văn D 10 (Mười) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ 15/01/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo D.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Buộc Nông Văn D có trách nhiệm bồi thường cho anh Vũ Văn G số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) của bị cáo D đang bị tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế; Bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền là 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng).

Về lãi suất chậm trả tại giai đoạn thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điểm a, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự trả bị cáo Nông Văn D 01 điện thoại di động NOKIA 1280 vỏ màu xanh-đen, số IMEI 351672/05/475308/3; 01 thẻ sim điện thoại một mặt có số 033 đều được niêm phong trong một bì thư có chữ ký của các thành phần tham gia và dấu của Công an thị trấn Cầu Gồ, Yên Thế, Bắc Giang nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí: Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo D.

Trường hợp quyết định thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo đúng quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt.

Bản án được thông qua tại phòng nghị án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, Bị hại, Người liên quan.
- VKSND huyện Yên Thế.
- VKS tỉnh Bắc Giang.
- TAND tỉnh Bắc Giang.
- CQĐT, CQTHAHS Công an huyện Yên Thế.
- Trại Tạm giam CA tỉnh Bắc Giang.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án.
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà

Đinh Thị Vân Anh